

Bài 10. PHÁP LUẬT VỚI HOÀ BÌNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TIẾN BỘ CỦA NHÂN LOẠI

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

– Hiểu được vai trò của pháp luật đối với hoà bình và sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

– Nhận biết được thế nào là điều ước quốc tế, mối quan hệ giữa điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia.

– Hiểu được sơ bộ về sự tham gia và thực hiện tích cực của Việt Nam vào các điều ước quốc tế về quyền con người, về hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia, về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

2. Về kĩ năng

Phân biệt được điều ước quốc tế với các văn bản pháp luật quốc gia.

3. Về thái độ

Tôn trọng pháp luật của Nhà nước về quyền con người, về hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia, về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

Bài học này có 3 đơn vị kiến thức, được thực hiện trong 2 tiết. GV cần tập trung vào những nội dung sau đây :

– Pháp luật có vai trò quan trọng nổi bật, là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các quốc gia trong lợi ích chung của toàn thế giới ; là cơ sở xây dựng, phát triển tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác giữa các nước, vì hoà bình và sự phồn thịnh của nhân loại.

– Khái niệm điều ước quốc tế.

– Điều ước quốc tế có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật quốc gia. Sau khi có hiệu lực, điều ước quốc tế phải được thực hiện nghiêm chỉnh ở các quốc gia thành viên bằng các cách phù hợp.

– Là một thành viên của Cộng đồng quốc tế, Việt Nam đã tích cực kí kết, tham gia và nghiêm chỉnh thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người, về hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia, về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

b) Một số kiến thức mới và khó

Chương trình GDCD lớp 12 được cấu trúc thành 10 bài về pháp luật. Ở các bài trước, chúng ta tìm hiểu về pháp luật trong nước, từ khái niệm pháp luật và thực hiện pháp luật, pháp luật với quyền bình đẳng của công dân, pháp luật và tự do, dân chủ, pháp luật với sự phát triển của công dân đến pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước. Trong bài học này, chúng ta không tìm hiểu về pháp luật trong nước, mà tìm hiểu về sự tham gia của nước ta vào các điều ước quốc tế trong một số lĩnh vực liên quan đến đời sống công dân, đến hoà bình, hữu nghị và hợp tác kinh tế quốc tế. Nội dung bài này chủ yếu là kiến thức về pháp luật quốc tế và mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế với pháp luật quốc gia. Đây là kiến thức mới và rất khó đối với HS.

**** Thế nào là điều ước quốc tế ?***

Ngày nay, không một quốc gia nào đứng ngoài các quan hệ hợp tác quốc tế mà có thể phát triển được. Hơn bao giờ hết, các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào nhau để cùng tồn tại và phát triển. Để hợp tác với nhau, các quốc gia phải cùng nhau đàm phán để đi đến thống nhất kí kết các văn bản pháp lí quốc tế, trong đó quy định mỗi nước có những quyền và nghĩa vụ gì và cách thức thực hiện hợp tác như thế nào. Văn bản pháp lí được kí kết giữa các quốc gia được gọi là *điều ước quốc tế*.

Vậy thế nào là điều ước quốc tế ?

Điều ước quốc tế là văn bản pháp luật quốc tế do các quốc gia hoặc các tổ chức quốc tế thoả thuận kí kết, nhằm điều chỉnh quan hệ giữa họ với nhau trong các lĩnh vực của quan hệ quốc tế.

Điều ước quốc tế có thể được kí kết giữa các chủ thể sau đây :

- + Giữa các quốc gia với nhau ;
- + Giữa quốc gia với tổ chức quốc tế ;
- + Giữa tổ chức quốc tế với nhau.

Thực tiễn quốc tế cho thấy, có bao nhiêu loại quan hệ quốc tế thì có bấy nhiêu loại điều ước quốc tế. Ví dụ : điều ước quốc tế về hoà bình, hữu nghị và hợp tác ; điều ước quốc tế về an ninh ; điều ước quốc tế về hợp tác kinh tế quốc tế, về thương mại ; điều ước quốc tế về giáo dục – đào tạo, về văn hoá v.v...

Điều ước quốc tế là tên gọi chung, trong đó từng điều ước quốc tế lại có tên gọi riêng của mình. Thông thường, điều ước quốc tế có các tên gọi như : hiến chương, hiệp định, hiệp ước, công ước, nghị định thư... Trong hệ thống pháp luật quốc tế cũng như hệ thống pháp luật quốc gia, cho đến nay chưa hề có quy định, định nghĩa thế nào là hiến chương, hiệp định, hiệp ước, công ước, nghị định thư,... Tuy vậy, chúng ta cũng có thể hiểu ở mức độ tương đối về các loại điều ước quốc tế này như sau :

+ *Hiến chương* : Văn bản pháp luật quốc tế có giá trị pháp lí cao nhất trong toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật của một tổ chức quốc tế. Nội dung của hiến chương thường bao gồm các quy định về mục đích thành lập, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, cơ cấu tổ chức của một tổ chức quốc tế cụ thể và lĩnh vực hoạt động của tổ chức quốc tế đó. Hiến chương bao giờ cũng gắn với tên gọi của một tổ chức quốc tế nào đó, ví dụ : Hiến chương Liên hợp quốc, Hiến chương ASEAN,...

+ *Hiệp định* : Văn bản pháp luật quốc tế, thường do các quốc gia kí kết với nhau, trong đó có các điều khoản quy định về quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên. Hiệp định thường có trong lĩnh vực kinh tế – thương mại, lĩnh vực hoà bình, an ninh quốc tế và khu vực, lĩnh vực lãnh thổ và biên giới quốc gia. Ví dụ : Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ ; Hiệp định Bảo hộ và khuyến khích đầu tư giữa Việt Nam với các nước ; Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ; Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam – Trung Quốc,...

+ *Hiệp ước* : Văn bản pháp luật quốc tế, thường do các quốc gia kí kết với nhau. Nội dung của hiệp ước thường liên quan đến vấn đề an ninh và lãnh thổ, biên giới quốc gia. Ví dụ : Hiệp ước về Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân ; Hiệp ước về biên giới đất liền giữa Việt Nam – Trung Hoa ; Hiệp ước hoạch định biên giới Việt Nam – Lào ;...

+ *Công ước* : Văn bản pháp luật quốc tế, được kí kết giữa các quốc gia với nhau, hoặc giữa quốc gia với tổ chức quốc tế. Đa số công ước thường liên quan đến lĩnh vực bảo vệ quyền con người nhưng cũng có một số công ước liên quan đến lãnh thổ quốc gia, quốc tế hoặc lĩnh vực khác. Ví dụ : Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em ; Công ước về chống phân biệt đối xử với phụ nữ ; Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển ;...

+ *Nghị định thư* : Văn bản bổ sung cho một điều ước quốc tế trước đó. Thông thường, khi có một số nội dung mới phát sinh trong quan hệ giữa các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế mà trước đó chưa được quy định trong điều ước quốc tế liên quan thì các quốc gia và tổ chức quốc tế sẽ kí kết nghị định thư để bổ sung nội dung mới. Như vậy nghị định thư bao giờ cũng phải gắn với một văn bản điều ước quốc tế khác như hiệp định, hiệp ước, công ước,...

** Thực hiện điều ước quốc tế ở các quốc gia*

Thực hiện điều ước quốc tế là thực hiện các cam kết mà các quốc gia đã cùng nhau thoả thuận, được quy định trong từng điều ước quốc tế. Thực hiện điều ước quốc tế là nghĩa vụ của các quốc gia thành viên. Một nghĩa vụ nào đó đã được cam kết trong một điều ước quốc tế nào đó mà quốc gia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, có nghĩa là quốc gia đó đã vi phạm pháp luật quốc tế. Các quốc gia thực hiện điều ước quốc tế theo hai cách (theo SGK).

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Phương pháp dạy học

Đây là bài học với những kiến thức mới và khó, trong đó cung cấp một số kiến thức sơ bộ về *Luật Quốc tế*. Vì thế, có thể sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại kết hợp với sơ đồ trong khi giảng dạy để HS có thể dễ ghi nhớ.

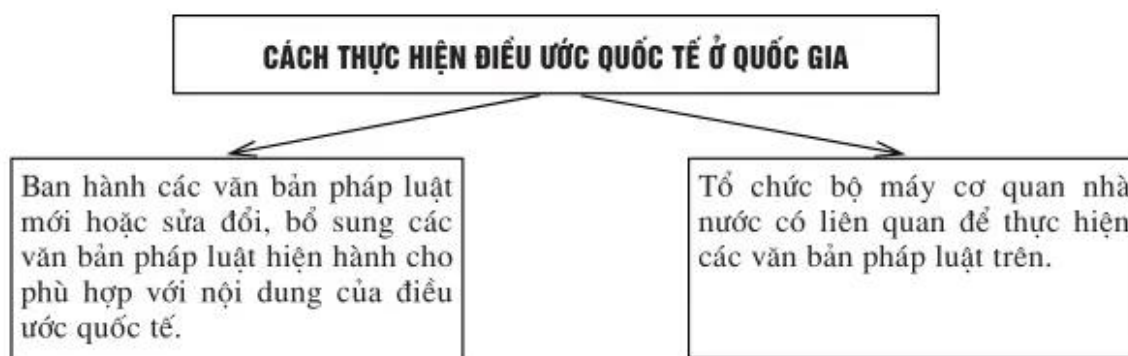
b) Hình thức tổ chức dạy học

- HS chuẩn bị bài trước ở nhà.
- Học theo lớp kết hợp với học theo nhóm, tổ, cá nhân.

3. Về phương tiện dạy học

- SGK, SGV Giáo dục công dân 12 ;
- Sách tham khảo : Tình huống Giáo dục công dân 12 ; Bài tập trắc nghiệm Giáo dục công dân 12 ;

- Giấy khổ lớn, bút dạ ;
- Đầu video, máy chiếu ;
- Máy vi tính (nếu sử dụng giáo án điện tử) ;
- Bảng hình, tranh ảnh ;
- Sơ đồ về các bước thực hiện điều ước quốc tế và các loại điều ước quốc tế liên quan đến bài học.



Sơ đồ : Thực hiện điều ước quốc tế ở các quốc gia

4. Về kiểm tra, đánh giá

a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập trong SGK

** Các câu trong phần II – Nội dung bài học*

Điểm c mục 3 :

Câu : Theo suy nghĩ của em, tại sao Việt Nam lại kí kết Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (Hiệp định CEPT) với các nước ASEAN ? Điều này mang lại lợi ích gì cho nền kinh tế nước ta ?

Việc kí Hiệp định này là hết sức cần thiết để nước ta nhanh chóng hội nhập vào nền kinh tế khu vực. Thông qua Hiệp định này, tự do hoá thương mại giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN được thực hiện, là điều kiện để hàng hoá của các nước ASEAN thâm nhập vào thị trường của nhau, thông qua đó sản xuất – kinh doanh của nước ta phát triển, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế đất nước.

** Các câu trong phần IV – Câu hỏi và bài tập*

Câu 1 :

- Nêu định nghĩa về điều ước quốc tế.

– Các nước kí kết với nhau điều ước quốc tế nhằm thực hiện quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trong các lĩnh vực : chính trị, kinh tế, thương mại, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường,... qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng cường tình hữu nghị giữa các quốc gia.

Câu 2 :

Điều ước quốc tế là công cụ hữu hiệu nhất trong quan hệ hợp tác và phát triển giữa các quốc gia là vì :

– Nội dung của điều ước quốc tế là các quy định về quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên, là cơ sở pháp lí để thực hiện hợp tác quốc tế có hiệu quả.

– Nội dung của điều ước quốc tế xác định rõ mục tiêu hợp tác của các quốc gia trong mỗi lĩnh vực, được thể hiện ở mỗi điều khoản cụ thể. Thực hiện các điều khoản này là thực hiện rõ mục tiêu hợp tác vì sự phồn thịnh và phát triển của mỗi quốc gia và vì cả Cộng đồng quốc tế.

Câu 3 :

Việt Nam đã và đang tích cực góp phần vào việc kí kết và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người như :

– Kí kết nhiều điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người : Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em ; Công ước về các quyền dân sự và chính trị ; Công ước về các quyền kinh tế, văn hoá, xã hội ; Công ước về loại trừ các hình thức phân biệt chủng tộc ; Công ước về chống phân biệt đối xử với phụ nữ ;...

– Nghiêm chỉnh thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người đã được kí kết : Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về quyền con người ; Tổ chức bộ máy nhà nước để bảo vệ quyền con người (Ví dụ : Các cơ quan kiểm tra, giám sát ở Trung ương và địa phương ;...).

Câu 4 :

Việt Nam đã và đang tham gia tích cực vào việc kí kết và thực hiện các điều ước quốc tế về hoà bình, hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới được thể hiện là :

– Việt Nam kí kết các hiệp định biên giới với các nước láng giềng với mong muốn xây dựng những đường biên giới hoà bình, hữu nghị, tạo ra bầu không khí hoà bình, ổn định.

– Thông qua việc kí kết các điều ước quốc tế với các nước ASEAN, với các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương... về hợp tác đầu tư, dịch vụ, công nghiệp, giao thông... Nhà nước ta mong muốn tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế – thương mại vì lợi ích riêng của mỗi nước và vì lợi ích chung của toàn thế giới.

– Kí kết nhiều điều ước quốc tế về hoà bình, hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng, trong khu vực và trên thế giới (tên gọi các điều ước quốc tế được đề cập trong SGK).

– Ban hành pháp luật trong nước và tổ chức thực hiện pháp luật về lĩnh vực này.

Câu 5 :

Kể tên một số điều ước quốc tế : Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) ; Hiệp định khung về đầu tư ASEAN ; các hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư với một số nước trong khu vực và trên thế giới ; các hiệp định trong khuôn khổ WTO như Hiệp định về thương mại hàng hoá, Hiệp định về thương mại dịch vụ, Hiệp định nông nghiệp, Hiệp định hàng dệt may,...

Câu 6 :

Nếu chỉ kí kết và thực hiện các điều ước quốc tế về hoà bình, hữu nghị mà không có các điều ước quốc tế về hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế thì đất nước sẽ khó có thể phát triển bình thường trong bối cảnh quốc tế hiện nay, vì không có hợp tác và hội nhập chúng ta sẽ không tranh thủ được sự giúp đỡ, vốn và công nghệ, kĩ thuật của các nước, sẽ bị tụt hậu ngày càng xa so với các nước trong khu vực và quốc tế.

Câu 7 :

- Cột 1 : Các điều ước quốc tế 1, 8.
- Cột 2 : Các điều ước quốc tế 2, 3, 4, 7.
- Cột 3 : Các điều ước quốc tế 5, 6.

b) Gợi ý về kiểm tra, đánh giá

Có thể kiểm tra, đánh giá theo các câu hỏi và bài tập : 1, 3, 4, 5, 7 hoặc kiểm tra, đánh giá theo các câu hỏi nhỏ trong từng đơn vị kiến thức.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– GV có thể bắt đầu theo phần *Mở đầu bài học* trong SGK.

– Có thể mở đầu bài học bằng việc đàm thoại với HS về *Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em*.

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

Bài học này có 3 đơn vị kiến thức.

a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Vai trò của pháp luật đối với hoà bình và sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được : Pháp luật có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ hoà bình cho thế giới, trong việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vì sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

** Cách thực hiện*

Đơn vị kiến thức này mang tính lí luận, GV chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình cho HS hiểu về 4 vai trò nổi bật của pháp luật :

- Là phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các quốc gia ;
- Là cầu nối xích lại gần nhau giữa các nước ;
- Là cơ sở để thực hiện hợp tác kinh tế – thương mại giữa các nước ;
- Là cơ sở để bảo vệ quyền con người trên phạm vi toàn thế giới.

b) Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Điều ước quốc tế trong quan hệ giữa các quốc gia.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

- Thế nào là điều ước quốc tế.
- Thực hiện điều ước quốc tế ở các quốc gia như thế nào.

** Cách thực hiện*

Dạy học đơn vị kiến thức này, GV có thể sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với đàm thoại.

- GV cần đi từ việc giải thích về sự cần thiết phải có điều ước quốc tế trong quan hệ giữa các quốc gia đến việc phân tích khái niệm điều ước quốc tế.

- GV có thể hỏi HS : *Các em đã biết đến điều ước quốc tế nào (ví dụ : hiệp định, công ước) ?*

+ HS có thể kể tên một số điều ước quốc tế, ví dụ : *Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Hiệp định Thương mại Việt – Mỹ.*

+ GV giới thiệu thêm về một số điều ước quốc tế, yêu cầu HS nhớ tên các điều ước quốc tế trên và một số điều ước quốc tế quen thuộc khác như : *Hiến chương Liên hợp quốc, Công ước về các quyền dân sự và chính trị, Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá, Hiệp ước về biên giới giữa Việt Nam và Lào...*

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3 : Việt Nam với các điều ước quốc tế về quyền con người, về hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia, về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.*

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

– Một số điều ước quốc tế quan trọng về các lĩnh vực này mà Việt Nam đã kí kết, tham gia.

– Tại sao Việt Nam đã tích cực tham gia các điều ước quốc tế này ?

** Cách thực hiện*

Có thể sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với đàm thoại để dạy đơn vị kiến thức này. GV cũng có thể kết hợp sử dụng sơ đồ, bảng để phân biệt các loại điều ước quốc tế thuộc các lĩnh vực nêu trong bài học.



– GV cần giảng cho HS hiểu được :

+ Quyền con người là quyền cơ bản của mỗi cá nhân mà nhà nước nào cũng phải có trách nhiệm bảo đảm thực hiện.

+ Nhà nước ta đã nghiêm chỉnh thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người.

+ Việt Nam thực hiện nhất quán chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá, kí kết và tham gia nhiều điều ước quốc tế về hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia, về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

– GV có thể tổ chức đàm thoại : Tại sao Việt Nam tích cực tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người ; về hoà bình, hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia ; về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ?

– Cả lớp trao đổi, đàm thoại.

– GV giải thích :

+ Vì Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến con người, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm các quyền tự do, dân chủ cơ bản của công dân.

+ Vì nhân dân Việt Nam luôn yêu chuộng hoà bình, luôn muốn sống trong bầu không khí hoà bình, hữu nghị và hợp tác, muốn là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong khu vực và trên thế giới.

+ Vì hợp tác, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đang là xu thế chung trong thời đại ngày nay. Có hội nhập, chúng ta mới có thể tranh thủ phát huy những khả năng về vốn, khoa học, kĩ thuật, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh cùng những thành tựu khác mà loài người đã đạt được, tạo điều kiện cần thiết cho công cuộc xây dựng đất nước.

3. Phần củng cố

GV củng cố bài theo từng đơn vị kiến thức, sau đó kết luận chung cho cả bài.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX

"... Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại là tiếp tục giữ vững môi trường hoà bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội [...]

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường.

Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mĩ La tinh, các nước trong Phong trào Không liên kết. Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế...".⁽¹⁾

2. Hiến pháp năm 1992

Điều 14

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hoà bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị và xã hội khác nhau, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi ; tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng ; tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 42– 43.